TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/DS-ST.
Ngày: 03/3/2026.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích;
2. Ông Nguyễn Tường Bích.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Minh Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên toà:* Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 298/2025/TLST-DS về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" ngày 05 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Kim U, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị Kim U: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số C, ấp H, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản uỷ quyền ngày 11/9/2025.

Bị đơn:

- Bà Trần Thị Minh D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn T1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn có mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2025, bản tự khai, các biên bản hoà giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T trình bày:

Vào năm 2017, bà Trần Thị Minh D có vay tiền nhiều lần của bà Nguyễn Thị Kim U. Đến ngày 22/10/2018 thì bà U, bà D có làm giấy tay tổng kết nợ với số tiền là 55.850.000đồng.

Quá trình vay tiền, bà D cam kết trả dần cho bà U số tiền 200.000đồng/ngày cho đến khi hết nợ nhưng từ ngày viết giấy tổng kết nợ thì bà D không thanh toán cho bà U số tiền nào. Bà U nhiều lần nhắc nhở nhưng bà D cố tình tránh né, không thực hiện.

Do bà D vay tiền của bà U để phục vụ kinh tế gia đình giữa bà D và ông Trần Văn T1 nên ông T1 cũng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Duyên số tiền nêu trên.

Nay bà U khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Minh D, ông Trần Văn T1 liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim U số tiền 55.850.000đồng. Bà U không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long đã tống đạt theo đúng quy định pháp luật Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các giấy triệu tập tham gia phiên họp và phiên toà; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Trần Thị Minh D, ông Trần Văn T1. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà D, ông T1 vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về tố tung: Người tiến hành tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày, quá trình xét hỏi, kết quả tranh luận, nghị án và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim U khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị Minh D, ông Trần Văn T1. Quan hệ tranh chấp này được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xét thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện của vụ án.

Căn cứ vào quá trình tống đạt các văn bản tố tụng, các biên bản xác minh có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Vĩnh Long thì cơ sở xác định mà bà Trần Thị Minh D, ông Trần Văn T1 có nơi cư trú tại xã L, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long căn cứ vào các quy định tại Điều 39, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với sự có mặt, vắng mặt của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, bà D, ông T1 đã được triệu tập tham gia phiên toà theo đúng quy định pháp luật lần thứ 02 nhưng vắng mặt không lý do. Toà án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông T1 là đúng quy định pháp luật.

Đối với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 09/01/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long đã tống đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 01/TB-TA ngày 09/01/2026 cho bà D, ông T1 là đảm bảo quyền được tiếp cận tài liệu, chứng cứ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, đến thời điểm chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã công khai. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về phạm vi giải quyết vụ án, căn cứ theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hồ sơ vụ án không có yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xét xử các nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện nào khác.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn căn cứ vào giấy tay lập ngày 22/10/2018 có nội dung bà Trần Thị Minh D có vay của bà U số tiền 55.850.000đồng để yêu cầu bà Trần Thị Minh D và ông Trần Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà U số tiền nêu trên.

Các tài liệu, chứng cứ mà bà U cung cấp đều có chữ viết và chữ ký mang nội dung ghi tên và ghi họ, tên của bà Trần Thị Minh D tại cuối các tài liệu, chứng cứ này. Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp đều là bản viết tay đảm bảo các quy định về tài liệu, chứng cứ được quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Toà án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long đã thông báo cho bà D, ông T1 biết về các tài liệu, chứng cứ này nhưng bà D, ông T1 không có ý kiến phản đối. Tại phiên toà hôm nay, bà D, ông T1 đã được triệu tập theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt không lý do nên được xem tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình tại phiên toà.

Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để buộc bà Trần Thị Minh D, có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim U số tiền nợ vay là 55.850.000đồng.

Về nghĩa vụ liên đới của ông Trần Văn T1, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên bản xác minh ngày 08/01/2026, Công an xã L, tỉnh Vĩnh Long xác nhận bà D, ông T1 có đăng ký kết hôn và hiện còn sinh sống tại địa phương. Hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ thể hiện bà D, ông T1 đã ly hôn, chia tài sản chung của vợ, chồng trước thời điểm bà D ký giấy chốt nợ ngày 22/10/2018 với bà U. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn T1 không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà U nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông Trần Văn T1 có nghĩa vụ cùng với bà Trần Thị Minh D trả cho bà Nguyễn Thị Kim U số tiền nợ vay là 55.850.000đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim U đối với bà Trần Thị Kim U1, ông Trần Văn T1. Buộc bà Trần Thị Kim U1, ông Trần Văn T1 trả cho bà Nguyễn Thị Kim U số tiền nợ vay là 55.850.000đồng.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim U không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ vay nêu trên.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của bà U được chấp nhận nên bà U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.396.250đồng cho bà Nguyễn Thị Kim U theo Biên lai thu số 0006894 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Trần Thị Minh D, ông Trần Văn T1 phải nộp số tiền 55.850.000đồng x 5% = 2.792.000đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với quan điểm của Hội xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 26, 39, 40, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 117, 280, 288, 357, 400, 429, 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim U đối với bà Trần Thị Minh D, ông Trần Văn T1.

2. Buộc bà Trần Thị Minh D, ông Trần Văn T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim U số tiền nợ vay là 55.850.000(Năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn)đồng.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim U không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thỉ hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành ản còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.396.250(Một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm năm mươiđồng cho bà Nguyễn Thị Kim U theo biên lai thu số 0006894 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Trần Thị Minh D, ông Trần Văn T1 phải nộp số tiền 2.792.000(Hai triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn)đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 8 – Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- THA DS tỉnh Vĩnh Long.
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ.

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tường Bích **Đặng Hoàng Mích** **Trần Thành Ngọc**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hiền **Nguyễn Thanh Túng** **Trần Thành Ngọc**

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Kim Lan Nguyễn Thị Bé Em Trần Thành Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Thi